

BÁO CÁO LẦN 01

ĐỀ TÀI QUẢN LÝ

CÁC ĐẠI LÝ

Họ tên: Lê Thị Diễm Trang

Mã số sinh viên: 0941200

MỤC LỤC

MỤC LỤC	i
---------------	---

Chương 1 HỆ THỐNG CÁC YÊU CẦU PHẦN MỀM..... 1

1.1 YÊU CẦU NGHIỆP VỤ	1
1.1.1 Danh sách các yêu cầu Danh sách các biểu mẫu và qui định.....	1
1.1.1.1 Biểu mẫu 1 và qui định 1	1
1.1.1.2 Biểu mẫu 2 và qui định 2	2
1.1.1.3 Biểu mẫu 3	3
Ví dụ: Danh sách các đại lý	3
1.1.1.4 Biểu mẫu 4 và quy định 4	3
Ví dụ:	4
1.1.1.5 Biểu mẫu 5	4
Ví dụ:	4
Biểu mẫu 5.1.....	4
1.1.1.6 Qui định 6.....	5
1.1.2 Bảng trách nhiệm yêu cầu nghiệp vụ	5
1.2 YÊU CẦU TIẾN HÓA	6

1.2.1	Danh sách các yêu cầu tiến hóa.....	6
1.2.2	Bảng trách nhiệm yêu cầu tiến hóa	7
1.3	YÊU CẦU HIỆU QUẢ.....	7
1.3.1	Danh sách các yêu cầu hiệu quả.....	7
1.3.2	Bảng trách nhiệm yêu cầu hiệu quả	8
1.4	YÊU CẦU TIỆN DỤNG	9
1.4.1	Danh sách các yêu cầu tiện dụng	9
1.4.2	Bảng trách nhiệm yêu cầu tiện dụng	10
1.5	YÊU CẦU TƯƠNG THÍCH.....	10
1.5.1	Danh sách các yêu cầu tương thích	10
1.5.2	Bảng trách nhiệm yêu cầu tương thích.....	11
1.6	YÊU CẦU BẢO MẬT.....	12
1.6.1	Danh sách các yêu cầu bảo mật.....	12
1.6.2	Bảng trách nhiệm yêu cầu bảo mật	12
1.7	YÊU CẦU AN TOÀN	13
1.7.1	Danh sách các yêu cầu an toàn.....	13
1.7.2	Bảng trách nhiệm yêu cầu an toàn	13
1.8	YÊU CẦU CÔNG NGHỆ	14
1.8.1	Danh sách các yêu cầu công nghệ.....	14

Chương 2 MÔ HÌNH HÓA 15

2.1	SƠ ĐỒ LUỒNG DỮ LIỆU CHO YÊU CẦU TIẾP NHẬN ĐẠI LÝ.....	15
2.2	SƠ ĐỒ LUỒNG DỮ LIỆU CHO YÊU CẦU LẬP PHIẾU XUẤT HÀNG	16

2.3	SƠ ĐỒ LUỒNG DỮ LIỆU CHO YÊU CẦU TRA CỨU ĐẠI LÝ	18
2.4	SƠ ĐỒ LUỒNG DỮ LIỆU CHO YÊU CẦU LẬP PHIẾU THU TIỀN	19
2.5	SƠ ĐỒ LUỒNG DỮ LIỆU CHO YÊU CẦU BÁO CÁO THÁNG	20
2.6	SƠ ĐỒ LUỒNG DỮ LIỆU CHO YÊU CẦU THAY ĐỔI CÁC QUI ĐỊNH:	22

Chương 3 THIẾT KẾ DỮ LIỆU..... 23

3.1	BUỚC 1: XÉT YÊU CẦU TIẾP NHẬN NHÂN VIÊN	23
3.1.1	Thiết kế dữ liệu với tính đúng đắn	23
3.1.1.1	Biểu mẫu liên quan: BM1	23
3.1.2	Thiết kế dữ liệu với tính tiến hóa	25
3.2	BUỚC 2: XÉT YÊU CẦU TIẾP LẬP PHIẾU XUẤT HÀNG.....	26
3.2.1	Thiết kế dữ liệu với tính đúng đắn	26
3.2.2	Thiết kế dữ liệu với tính tiến hóa	29
3.3	BUỚC 3: XÉT YÊU CẦU TRA CỨU ĐẠI LÝ	31
3.3.1	Thiết kế dữ liệu với tính đúng đắn	31
3.3.1.1	Biểu mẫu liên quan: BM3	31
3.4	BUỚC 4: XÉT YÊU CẦU LẬP HÓA PHIẾU THU TIỀN.....	34
3.4.1	Thiết kế dữ liệu với tính đúng đắn	34
3.4.1.1	Biểu mẫu liên quan: BM4	34
3.4.2	Thiết kế dữ liệu với tính tiến hóa	37
3.5	BUỚC 5: XÉT YÊU CẦU THAY ĐỔI QUY ĐỊNH	39
3.5.1	Thiết kế dữ liệu với tính đúng đắn	39
3.5.1.1	Quy định liên quan: QĐ6	39

3.6	DIỄN GIẢI CƠ SỞ DỮ LIỆU	42
3.6.1	Bảng DAILY	42
3.6.2	Bảng LOAIDAILY	43
3.6.3	Bảng PHIEUTHUTIENT	43
3.6.4	Bảng QUAN.....	43
3.6.5	Bảng PHIEUXUAT	44
3.6.6	Bảng CHITIETPHIEUXUAT	44
3.6.7	Bảng MATHANG	45
3.6.8	Bảng DONVITINH.....	45
3.6.9	Bảng GIABANTHEODONVITINH.....	45
3.6.10	Bảng THAMSO	46

Chương 4 THIẾT KẾ GIAO DIỆN.....47

4.1	THIẾT KẾ MÀN HÌNH CHÍNH.....	47
4.1.1	Thiết kế màn hình thực đơn với tính đúng đắn	47
4.1.2	Thiết kế màn hình thực đơn với tính hiệu quả và tiện dụng.....	48
4.1.2.1	Phương án 1:	48
4.1.2.2	Phương án 2:	51
4.2	THIẾT KẾ MÀN HÌNH	52
4.2.1	Màn hình tiếp nhận đại lý.....	52
4.2.2	Màn hình nhận đại lý với tính đúng đắn	52
4.2.3	Màn hình nhận đại lý với tính tiện dụng và hiệu quả.....	53
4.2.4	Màn hình lập phiếu xuất hàng	54

4.2.5	Màn hình lập phiếu xuất hàng với tính đúng đắn.....	54
4.2.6	Màn hình lập phiếu xuất hàng với tính tiện dụng và hiệu quả ..	54
4.2.7	Màn hình tra cứu đại lý	55
4.2.8	Màn hình tra cứu đại lý với tính đúng đắn.....	55
4.2.9	Màn hình tra cứu đại lý với tính tiện dụng và hiệu quả	55
4.2.10	Màn hình lập phiếu thu tiền	56
4.2.11	Màn hình lập phiếu thu tiền với tính đúng đắn	56
4.2.12	Màn hình lập phiếu thu tiền với tính tiện dụng và hiệu quả....	56
4.2.13	Màn hình báo cáo doanh số.....	57
4.2.14	Màn hình báo cáo doanh số với tính đúng đắn.....	57
4.2.15	Màn hình lập báo cáo doanh số với tính tiện dụng và hiệu quả 57	
4.2.16	Màn hình báo cáo công nợ	58
4.2.17	Màn hình báo cáo công nợ với tính đúng đắn.....	58
4.2.18	Màn hình lập báo cáo công nợ với tính tiện dụng và hiệu quả	58
4.2.19	Màn hình thay đổi quy định	59
4.2.20	Màn hình thay đổi quy định với tính đúng đắn	59
4.2.21	Màn hình lập báo cáo doanh số với tính tiện dụng và hiệu quả 59	

Chương 5 THIẾT KẾ XỬ LÝ..... 60

5.1	THIẾT KẾ MÀN HÌNH CHÍNH.....	60
5.2	THIẾT KẾ MÀN HÌNH	61

5.2.1	Màn hình tiếp nhận đại lý.....	61
5.2.2	Màn hình lập phiếu xuất hàng.....	66
5.2.3	Màn hình tìm kiếm đại lý	70
5.2.4	Màn hình lập phiếu thu tiền	73
5.2.5	Màn hình báo cáo doanh số.....	77
5.2.6	Màn hình báo cáo công nợ	79
5.2.7	Màn hình thay đổi quy định	82

CHƯƠNG 1 HỆ THỐNG CÁC YÊU CẦU PHẦN MỀM

1.1 YÊU CẦU NGHIỆP VỤ

1.1.1 *Danh sách các yêu cầu Danh sách các biểu mẫu và qui định*

STT	Tên yêu cầu	Biểu mẫu	Qui định	Ghi chú
1	Tiếp nhận đại lý	BM1	QĐ1	
2	Lập phiếu xuất hàng	BM2	QĐ2	
3	Tra cứu đại lý	BM3		
4	Lập hóa phiếu thu tiền	BM4	QĐ4	
5	Lập báo cáo tháng	BM5		
6	Thay đổi qui định		QĐ6	

1.1.1.1 *Biểu mẫu 1 và qui định 1*

BM1:	Hồ Sơ Đại Lý	
Tên:	Loại đại lý:	
Điện thoại:	Địa chỉ:	
Quận:	Ngày tiếp nhận:	
Email:		

Báo cáo cuối kỳ môn Công nghệ Phần mềm

QĐ1: Có 2 loại đại lý (1, 2). Có 20 quận. Trong mỗi quận có tối đa 4 đại lý.

Ví dụ:

BM1:	Hồ Sơ Đại Lý	
Tên: Đại Lý 1 Quận 1.....		Loại đại lý: 01
Điện thoại: 08.840756.....		Địa chỉ: 01 Đồng Khởi, P. Bến Thành, Q. 01, Tp. Hồ Chí Minh
Quận: 01		Ngày tiếp nhận:
Email: daily1quan1@quanlydaily.com ...		

1.1.1.2 Biểu mẫu 2 và qui định 2

BM2:	Phiếu Xuất Hàng				
Đại lý:			Ngày lập phiếu:		
STT	Mặt Hàng	Đơn vị tính	Số Lượng	Đơn Giá	Thành Tiền
1					
2					

QĐ2: Có 5 mặt hàng, 3 đơn vị tính. Đại lý loại 1 có tiền nợ tối đa 20.000, loại 2 tối đa 50.

Ví dụ: Phiếu xuất hàng cho Đại Lý 1 Quận 1.

BM2:	Phiếu Xuất Hàng	
Đại lý: Đại lý 1 Quận 1		Ngày lập phiếu: 19/06/2010.....

Báo cáo cuối kỳ môn Công nghệ Phần mềm

STT	Mặt Hàng	Đơn vị tính	Số Lượng	Đơn Giá	Thành Tiền
1	Mặt hàng 1	Thùng	05	500.000	2.500.000
2	Mặt hàng 2	Kết	03	100.000	300.000

1.1.1.3 Biểu mẫu 3

BM3:	Danh Sách Các Đại Lý			
STT	Đại Lý	Loại	Quận	Tiền Nợ
1				
2				

Ví dụ: Danh sách các đại lý

BM3:	Danh Sách Các Đại Lý			
STT	Đại Lý	Loại	Quận	Tiền Nợ
1	Đại Lý 1 Quận 1	01	01	128.000.000
2	Đại Lý 2 Quận 1	02	01	56.320.000

1.1.1.4 Biểu mẫu 4 và quy định 4

BM4:	Phiếu Thu Tiền	
Đại lý:	Địa chỉ:	
Điện thoại:	Email:	
Ngày thu tiền:	Số tiền thu:	

QĐ4: Số tiền thu không vượt quá số tiền đại lý đang nợ .

Báo cáo cuối kỳ môn Công nghệ Phần mềm

Ví dụ:

BM4:	Phiếu Thu Tiền	
Đại lý: Đại Lý 1 Quận 1	Địa chỉ: 01 Đồng Khởi, P. Bến Thành, Q. 01, Tp. Hồ Chí Minh	
Điện thoại: 08. 840756	Email: daily1quan1@quanlydaily.com....	
Ngày thu tiền: 19/06/2010.....	Số tiền thu: 85.000.000 Đ	

1.1.1.5 Biểu mẫu 5

■ Biểu mẫu 5.1

BM5.1:	Báo Cáo Doanh Số			
Tháng:				
STT	Đại Lý	Số Phiếu Xuất	Tổng Trị Giá	Tỷ Lệ
1				
2				

■ Biểu mẫu 5.2

BM5.2:	Báo Cáo Công Nợ Đại Lý			
Tháng:				
STT	Đại Lý	Nợ Đầu	Phát Sinh	Nợ Cuối
1				
2				

Ví dụ:

Biểu mẫu 5.1

BM5.1:	Báo Cáo Doanh Số
Tháng:06/2010	

Báo cáo cuối kỳ môn Công nghệ Phần mềm

STT	Đại Lý	Số Phiếu Xuất	Tổng Trị Giá	Tỷ Lệ
1	Đại Lý 1 Quận 1	08	568.000.000	16%
2	Đại Lý 2 Quận 1	03	126.000.000	4%

Biểu mẫu 5.2

Báo Cáo Công Nợ Đại Lý				
Tháng:06/2010				
STT	Đại Lý	Nợ Đầu	Phát Sinh	Nợ Cuối
1	Đại Lý 1 Quận 1	85.000.000	-30.000.000	55.000.000
2	Đại Lý 2 Quận 1	56.000.000	12.000.000	68.000.000

1.1.1.6 Qui định 6

QĐ6: Người dùng có thể thay đổi các qui định như sau :

- + QĐ1 : Thay đổi số lượng các loại đại lý, số các đại lý tối đa trong quận.
- + QĐ2 : Thay đổi số lượng mặt hàng cùng với đơn vị tính và đơn giá bán, tiền nợ tối đa của từng loại đại lý.

1.1.2 Bảng trách nhiệm yêu cầu nghiệp vụ

STT	Nghiệp vụ	Người dùng	Phần Mềm	Ghi chú
1	Tiếp nhận đại lý	Cung cấp thông tin về đại lý	Kiểm tra quy định và ghi nhận	Cho phép hủy, cập nhật, thêm mới
2	Lập phiếu xuất hàng	Cung cấp thông tin phiếu xuất(đại	Kiểm tra quy định	

Báo cáo cuối kỳ môn Công nghệ Phần mềm

		lý, ngày xuất, mặt hàng, đơn vị tính, số lượng hàng)	và ghi nhận	
3	Tra cứu đại lý	Cung cấp thông tin về đại lý cần tra cứu	Tìm xuất thông tin liên quan	
4	Lập phiếu thu tiền	Cho biết đại lý nộp tiền, ngày nộp tiền, số tiền nộp	Cập nhật công nợ cho đại lý nộp tiền, xuất phiếu thu	Lưu phiếu thu xuống CSDL
5	Lập báo cáo tháng	Cho biết tháng cần báo cáo	Tính và xuất thông tin cần báo cáo	Lưu báo cáo
6	Thay đổi qui định	Cho biết giá trị mới cần thay đổi	Thay đổi và lưu quy định	

1.2 YÊU CẦU TIẾN HÓA

1.2.1 Danh sách các yêu cầu tiến hóa

STT	Nghịệp vụ	Tham số cần thay đổi	Miền giá trị cần thay đổi
1	Thay đổi số lượng loại phòng và nợ tối đa mỗi loại phòng	Số lượng loại đại lý Nợ tối đa	Số lượng loại đại lý Nợ tối đa
2	Số lượng đại lý tối đa mỗi quận	Số lượng đại lý tối đa	Số lượng đại lý tối đa

Báo cáo cuối kỳ môn Công nghệ Phần mềm

3	Thay đổi giá bán theo đơn vị tính	Giá bán	Giá bán
---	-----------------------------------	---------	---------

1.2.2 Bảng trách nhiệm yêu cầu tiến hóa

STT	Nghịệp vụ	Người dùng	Phần Mềm	Ghi chú
1	Thay đổi số lượng và nợ tối đa loại đại lý	Cho biết giá trị mới của số lượng loại đại lý, nợ tối đa của từng loại	Ghi nhận giá trị mới và thay đổi cách thức kiểm tra	Cho phép hủy hay cập nhật lại thông tin về số lượng loại đại lý, nợ tối đa
2	Số lượng đại lý tối đa mỗi quận	Cho biết giá trị mới của số lượng đại lý tối đa của mỗi quận	Ghi nhận giá trị mới và thay đổi cách thức kiểm tra	Cho phép hủy, cập nhật lại thông tin số lượng đại lý tối đa
3	Thay đổi giá bán theo đơn vị tính	Cho biết tên mặt hàng, tên đơn vị tính, và giá mới	Ghi nhận giá trị mới và thay đổi giá bán	

1.3 YÊU CẦU HIỆU QUẢ

1.3.1 Danh sách các yêu cầu hiệu quả

Máy tính với CPU Pentium III 533, RAM 128 MB. Ổ cứng: 10GB

Báo cáo cuối kỳ môn Công nghệ Phần mềm

STT	Nghịệp vụ	Tốc độ xử lý	Dung lượng lưu trữ	Ghi chú
1	Tiếp nhận đại lý	200 đại lý/giờ		
2	Lập phiếu xuất hàng	100 hồ sơ/giờ		
3	Hóa phiếu thu tiền	1 phút/ phiếu thu		
4	Tra cứu phòng	Ngay tức thì		
5	Lập báo cáo	Ngay tức thì		
6	Thay đổi qui định	Thay đổi trong 1 phút		

1.3.2 Bảng trách nhiệm yêu cầu hiệu quả

STT	Nghịệp vụ	Người dùng	Phần Mềm	Ghi chú
1	Tiếp nhận đại lý	Chuẩn bị trước danh sách đại lý	Thực hiện đúng theo yêu cầu	
2	Lập phiếu xuất hàng	Cung cấp thông tin phiếu xuất (đại lý, ngày lập phiếu, chi tiết phiếu xuất)	Thực hiện đúng theo yêu cầu	
3	Tra cứu đại lý	Cung cấp thông tin muốn tra cứu	Thực hiện đúng theo yêu cầu	
4	Lập hóa phiếu thu tiền	Cung cấp thông tin phiếu thu (đại lý, ngày thu, số tiền).	Thực hiện đúng theo yêu cầu	

Báo cáo cuối kỳ môn Công nghệ Phần mềm

5	Lập báo cáo tháng	Tháng cần báo cáo	Thực hiện đúng theo yêu cầu	
6	Thay đổi qui định	Thông tin quy định muốn thay đổi	Thực hiện đúng theo yêu cầu	

1.4 YÊU CẦU TIỆN DỤNG

1.4.1 Danh sách các yêu cầu tiện dụng

STT	Nhiệm vụ	Mức độ dễ học	Mức độ dễ sử dụng	Ghi chú
1	Tiếp nhận đại lý	5 phút hướng dẫn	Dễ thực hiện	
2	Lập phiếu xuất hàng	10 phút hướng dẫn	Tỷ lệ phạm lỗi trung bình 1%	
3	Hóa phiếu thu tiền	5 phút hướng dẫn	Dễ thực hiện	
4	Tra cứu phòng	Không cần hướng dẫn	Không cần biết nhiều về đại lý	Có đầy đủ thông tin
5	Lập báo cáo	Không cần hướng dẫn	Nhanh	
6	Thay đổi quy định	5 phút hướng dẫn	Dễ thực hiện	

Báo cáo cuối kỳ môn Công nghệ Phần mềm

1.4.2 Bảng trách nhiệm yêu cầu tiện dụng

STT	Nghịệp vụ	Người dùng	Phần Mềm	Ghi chú
1	Tiếp nhận đại lý	Độc tài liệu hướng dẫn	Thực hiện đúng yêu cầu	
2	Lập phiếu xuất hàng	Độc tài liệu hướng dẫn	Thực hiện đúng yêu cầu	
3	Hóa phiếu thu tiền	Độc tài liệu hướng dẫn	Thực hiện đúng yêu cầu	
4	Tra cứu đại lý	Độc tài liệu hướng dẫn	Thực hiện đúng yêu cầu	
5	Lập báo cáo	Độc tài liệu hướng dẫn	Thực hiện đúng yêu cầu	
6	Thay đổi quy định	Độc tài liệu hướng dẫn	Thực hiện đúng yêu cầu	

1.5 YÊU CẦU TƯƠNG THÍCH

1.5.1 Danh sách các yêu cầu tương thích

STT	Nghịệp vụ	Đối tượng liên quan	Ghi chú
1	Tiếp nhận đại lý	Từ tập tin Excel	Độc lập phiên bản
2	Phiếu xuất hàng	Đến phần mềm MS	Độc lập

Báo cáo cuối kỳ môn Công nghệ Phần mềm

		Excel	phiên bản
3	Xuất hóa phiếu thu tiền	Đến phần mềm MS Excel	Độc lập phiên bản
4	Xuất báo cáo	Đến phần mềm MS Excel	Độc lập phiên bản

1.5.2 Bảng trách nhiệm yêu cầu tương thích

STT	Nhiệm vụ	Người dùng	Phần Mềm	Ghi chú
1	Tiếp nhận đại lý	Chuẩn bị tập tin excel với cấu trúc theo biểu mẫu và cho biết tên tập tin muốn dùng	Thực hiện đúng yêu cầu	
2	Phiếu xuất hàng	Cài đặt phần mềm MS Excel và cho biết phiếu xuất hàng cần xuất	Thực hiện đúng yêu cầu	
3	Xuất hóa phiếu thu tiền	Cài đặt phần mềm MS Excel và cho biết phiếu thu cần xuất	Thực hiện đúng yêu cầu	
4	Xuất báo cáo	Cài đặt phần mềm MS Excel và cho biết tháng cần xuất báo cáo	Thực hiện đúng yêu cầu	

Báo cáo cuối kỳ môn Công nghệ Phần mềm

1.6 YÊU CẦU BẢO MẬT

1.6.1 Danh sách các yêu cầu bảo mật

STT	Nghịệp vụ	Quản trị hệ thống	Giám Đốc	Nhân Viên	Người dùng khác
1	Phân quyền	X			
2	Tiếp nhận đại lý			X	
3	Lập phiếu xuất hàng			X	
4	Hóa phiếu thu tiền			X	
5	Tra cứu đại lý		X	X	X
6	Lập báo cáo			X	
7	Thay đổi quy định		X		

1.6.2 Bảng trách nhiệm yêu cầu bảo mật

STT	Nghịệp vụ	Người dùng	Phần Mềm	Ghi chú
1	Quản trị	Cho biết người dùng mới và quyền hạn	Thực hiện đúng yêu cầu	
2	Giám đốc	Cho biết tên và mật khẩu	Thực hiện đúng yêu cầu	
3	Nhân viên	Cho biết tên và	Thực hiện đúng	

Báo cáo cuối kỳ môn Công nghệ Phần mềm

		mật khẩu	yêu cầu	
4	Người dùng khác			Tên chung

1.7 YÊU CẦU AN TOÀN

1.7.1 Danh sách các yêu cầu an toàn

STT	Nghịệp vụ	Đối tượng	Ghi chú
1	Phục hồi	Đại lý đã xóa	
2	Hủy thật sự	Đại lý đã xóa	
3	Không cho phép xóa	Đại lý còn nợ	

1.7.2 Bảng trách nhiệm yêu cầu an toàn

STT	Nghịệp vụ	Người dùng	Phần Mềm	Ghi chú
1	Phục hồi	Cho biết đại lý cần phục hồi	Phục hồi	
2	Hủy thật sự	Cho biết đại lý cần hủy	Hủy hoàn toàn	
3	Không cho phép xóa		Thực hiện theo đúng yêu cầu	

1.8 YÊU CẦU CÔNG NGHỆ

1.8.1 Danh sách các yêu cầu công nghệ

STT	Yêu cầu	Mô tả chi tiết	Ghi chú
1	Dễ sửa lỗi	Xác định lỗi trong 15 phút	Không gây ảnh hưởng tới các chức năng khác
2	Dễ bảo trì	Thêm chức năng mới nhanh	Không ảnh hưởng tới chức năng đã có
3	Tái sử dụng	Phát triển phần mềm dựa vào phần mềm đã có	Đáp ứng đầy đủ các yêu cầu
4	Dễ mang chuyển	Đổi cơ sở dữ liệu nhanh	Đáp ứng đầy đủ các yêu cầu

CHƯƠNG 2 MÔ HÌNH HÓA

2.1 SƠ ĐỒ LUỒNG DỮ LIỆU CHO YÊU CẦU TIẾP NHẬN ĐẠI LÝ

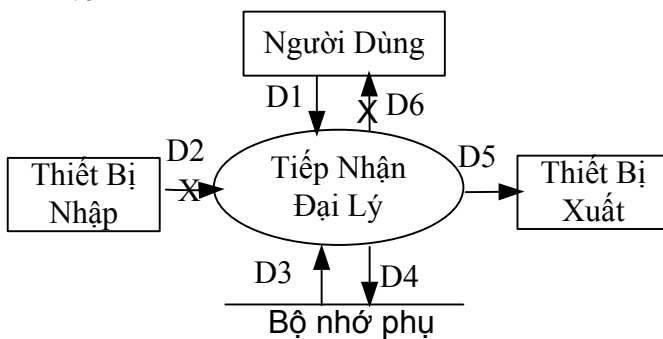
■ Biểu mẫu

BM1:	Hồ Sơ Đại Lý
Tên:	Loại đại lý:
Điện thoại:	Địa chỉ:
Quận:	Ngày tiếp nhận:
Email:	

■ Qui Định

QĐ1: Có 2 loại đại lý (1, 2). Có 20 quận. Trong mỗi quận có tối đa 4 đại lý.

■ Hình vẽ



Hình. 01

Báo cáo cuối kỳ môn Công nghệ Phần mềm

■ Các ký hiệu

- D1: Tên đại lý, loại đại lý, địa chỉ, điện thoại, quận, ngày tiếp nhận, e-mail.
- D2: Không có
- D3: Danh sách các loại đại lý, danh sách các quận
- D4: D1
- D5: D4
- D6: Không có

■ Thuật toán

- Bước 1. Nhận D1 từ người dùng.
- Bước 2. Kết nối cơ sở dữ liệu.
- Bước 3. Đọc D3 từ bộ nhớ phụ.
- Bước 4. Kiểm tra “loại đại lý” (D1) có thuộc “danh sách các loại đại lý” (D3), “quận” (D1) có thuộc “danh sách các quận” (D3), số đại lý trong quận đó có nhỏ hơn số đại lý tối đa của mỗi quận hay không.
- Bước 5. Nếu không thỏa qui định trên thì tới Bước 8.
- Bước 6. Lưu D4 xuống bộ nhớ phụ.
- Bước 7. Xuất D5 ra máy in (nếu có yêu cầu).
- Bước 8. Đóng kết nối cơ sở dữ liệu.
- Bước 9. Kết thúc.

2.2 SƠ ĐỒ LƯỒNG DỮ LIỆU CHO YÊU CẦU LẬP PHIẾU XUẤT HÀNG

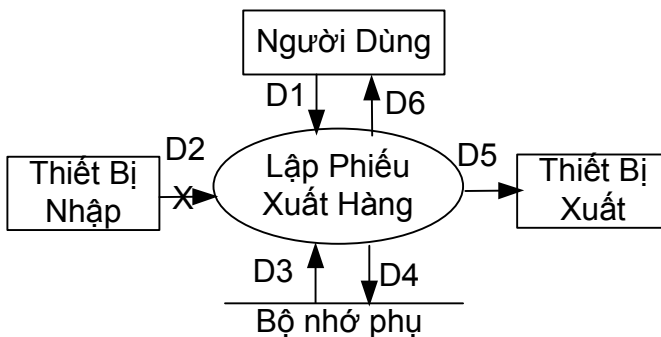
■ Biểu mẫu

BM2:		Phiếu Xuất Hàng			
Đại lý:			Ngày lập phiếu:		
STT	Mặt Hàng	Đơn vị tính	Số Lượng	Đơn Giá	Thành Tiền
1					
2					

■ Qui Định

QĐ2: Có 5 mặt hàng, 3 đơn vị tính. Đại lý loại 1 có tiền nợ tối đa 20.000, loại 2 tối đa 50.

■ Hình vẽ



Hình. 02

■ Các ký hiệu

- D1: Tên đại lý, các mặt hàng và đơn vị tính, số lượng, đơn giá tương ứng cho loại mặt hàng đó.
- D2: Không có
- D3: Danh sách các loại mặt hàng, loại đơn vị tính
- D4: Tổng số tiền đại lý cần trả.
- D5: D1+ngày lập phiếu
- D6: D5

■ Thuật toán

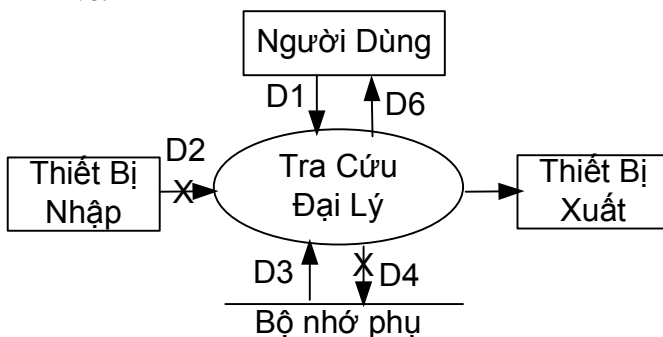
- Bước 1. Nhận D1 từ người dùng.
- Bước 2. Kết nối cơ sở dữ liệu.
- Bước 3. Đọc D3 từ bộ nhớ phụ.
- Bước 4. Kiểm tra “loại mặt hàng & loại đơn vị tính” (D1) có thuộc “loại mặt hàng & loại đơn vị tính” (D3).
- Bước 5. Nếu không thỏa tất cả các qui định trên thì tới bước 9.
- Bước 6. Lưu xuống bộ nhớ phụ số tiền đại lý cần trả
- Bước 7. Trả D6 cho người dùng.

Báo cáo cuối kỳ môn Công nghệ Phần mềm

- Bước 8. Xuất D5 ra máy in
Bước 9. Đóng kết nối cơ sở dữ liệu.
Bước 10. Kết thúc.

2.3 SƠ ĐỒ LUỒNG DỮ LIỆU CHO YÊU CẦU TRA CỨU ĐẠI LÝ

■ Hình vẽ:



Hình. 03

■ Các ký hiệu

- D1: Tên quận hay tên một đại lý nào đó.
- D2: Không có
- D3: Danh sách các đại lý cần tìm, loại, quận, tiền đang nợ
- D4: Không có
- D5: D3
- D6: D5

■ Thuật toán

- Bước 1: Nhận D1 từ người dùng.
Bước 2: Kết nối cơ sở dữ liệu.
Bước 3: Đọc D3 từ bộ nhớ phụ.
Bước 4: Kiểm tra tên đại lý hay tên quận nhập vào có nằm trong danh sách ở D3
Bước 5: Nếu không thỏa tất cả các qui định trên thì tới bước 8.

Báo cáo cuối kỳ môn Công nghệ Phần mềm

Bước 6: Trả D6 cho người dùng

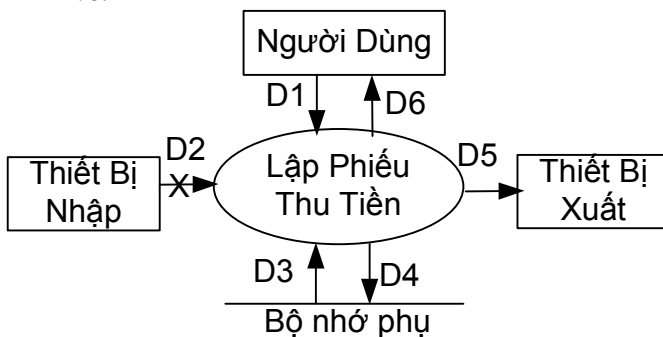
Bước 7: Xuất D5 ra máy in (nếu cần)

Bước 8: Đóng kết nối cơ sở dữ liệu.

Bước 9: Kết thúc.

2.4 SƠ ĐỒ LUỒNG DỮ LIỆU CHO YÊU CẦU LẬP PHIẾU THU TIỀN

■ Hình vẽ:



Hình. 04

■ Các ký hiệu

- D1: Tên đại lý, địa chỉ, điện thoại, e-mail, số tiền thu được
- D2: Không có
- D3: Danh sách các đại lý đang thu tiền..
- D4: Số tiền đã thu được
- D5: D1+Ngày thu tiền
- D6: D5

■ Thuật toán:

Bước 1: Nhận D1 từ người dùng.

Bước 2: Kết nối cơ sở dữ liệu.

Bước 3: Đọc D3 từ bộ nhớ phụ.

Bước 4: Kiểm tra tên đại lý có nằm trong danh sách ở D3, kiểm tra qui định về số tiền thu so với tiền đại lý đang nợ có phù hợp qui định hiện hành, số tiền nợ tối đa của mỗi loại đại lý.

Bước 5: Nếu không thỏa tất cả qui định trên thì tới bước 8.

Báo cáo cuối kỳ môn Công nghệ Phần mềm

Bước 6: Lưu xuống bộ nhớ phụ số tiền đại lý đã trả.

Bước 7: Xuất D5 ra máy in (nếu cần)

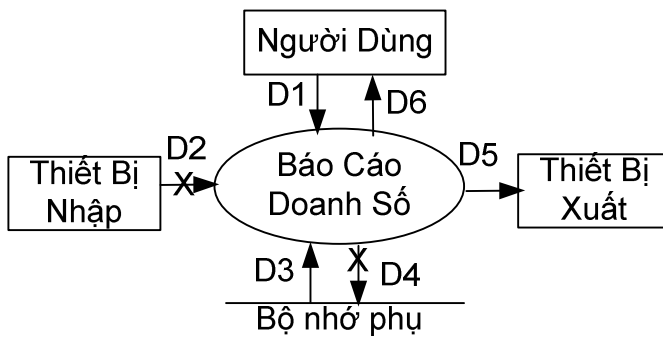
Bước 8: Đóng kết nối cơ sở dữ liệu.

Bước 9: Kết thúc.

2.5 SƠ ĐỒ LƯỢNG DỮ LIỆU CHO YÊU CẦU BÁO CÁO THÁNG

A. Theo doanh số

■ Hình vẽ:



Hình. 05

■ Các ký hiệu

- D1: Tháng cần báo cáo
- D2: Không có
- D3: Danh sách các đại lý hiện hành, số phiếu xuất, tổng giá trị, tỷ lệ.
- D4: Không có
- D5: D3+Tháng báo cáo
- D6: D5

■ Thuật toán:

Bước 1: Nhận D1 từ người dùng.

Bước 2: Kết nối cơ sở dữ liệu.

Bước 3: Đọc D3 từ bộ nhớ phụ.

Bước 4: Kiểm tra tháng nhập vào có hợp lý không

Báo cáo cuối kỳ môn Công nghệ Phần mềm

Bước 5: Nếu không thỏa qui định trên thì tới bước 8.

Bước 6: Xuất D6 ra cho người dùng.

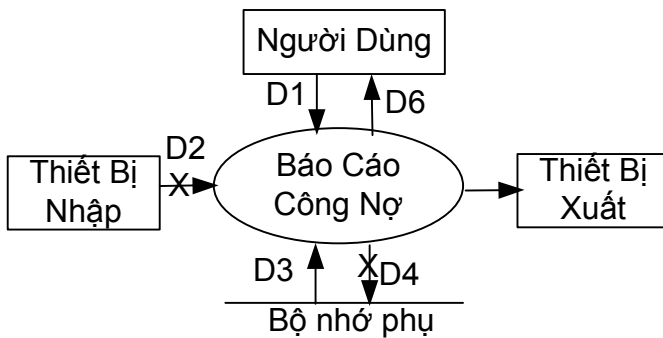
Bước 7: Xuất D5 ra máy in (nếu cần).

Bước 8: Đóng kết nối cơ sở dữ liệu.

Bước 9: Kết thúc.

B. Theo công nợ

■ Hình vẽ:



Hình.06

■ Các ký hiệu

- D1: Tháng cần báo cáo
- D2: Không có
- D3: Danh sách các đại lý hiện hành, nợ đầu, phát sinh, nợ cuối.
- D4: Không có
- D5: D3+Tháng báo cáo
- D6: D5

■ Thuật toán:

Bước 1: Nhận D1 từ người dùng.

Bước 2: Kết nối cơ sở dữ liệu.

Bước 3: Đọc D3 từ bộ nhớ phụ.

Bước 4: Kiểm tra tháng nhập vào có hợp lý không

Bước 5: Nếu không thỏa qui định trên thì tới bước 8.

Bước 6: Xuất D6 ra cho người dùng.

Báo cáo cuối kỳ môn Công nghệ Phần mềm

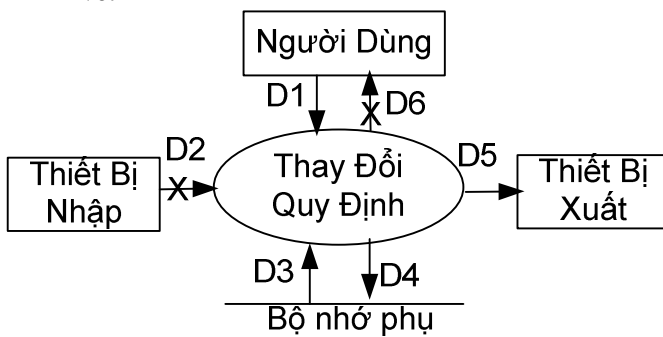
Bước 7: Xuất D5 ra máy in (nếu cần).

Bước 8: Đóng kết nối cơ sở dữ liệu.

Bước 9: Kết thúc.

2.6 SƠ ĐỒ LƯỜNG DỮ LIỆU CHO YÊU CẦU THAY ĐỔI CÁC QUI ĐỊNH:

■ Hình vẽ:



Hình 07

■ Các ký hiệu

- D1: Số lượng các loại đại lý, số các đại lý tối đa trong một quận, số lượng mặt hàng, đơn vị tính, đơn giá bán, tiền nợ tối đa của từng loại đại lý.
- D2: Không có
- D3: Không có
- D4: D1 (giá trị mới cho các tham số)
- D5: Không có
- D6: Không có

■ Thuật toán:

Bước 1: Nhận D1 từ người dùng.

Bước 2: Kết nối cơ sở dữ liệu.

Bước 3: Lưu D4 xuống bộ nhớ phụ.

Bước 4: Đóng kết nối CSDL.

Bước 5: Kết thúc.

CHƯƠNG 3 THIẾT KẾ DỮ LIỆU

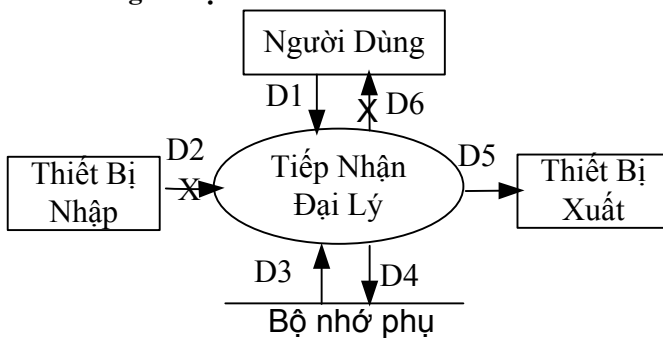
3.1 BƯỚC 1: XÉT YÊU CẦU TIẾP NHẬN NHÂN VIÊN

3.1.1 Thiết kế dữ liệu với tính đúng đắn

3.1.1.1 Biểu mẫu liên quan: BM1

BM1:	Hồ Sơ Đại Lý
Tên:	Loại đại lý:
Điện thoại:	Địa chỉ:
Quận:	Ngày tiếp nhận:
Email:	

■ Sơ đồ luồng dữ liệu:



■ Các thuộc tính mới:

TenDaiLy, LoaiDaiLy, DienThoai, DiaChi, Quan,
NgayTiepNhan, Email.

■ Thiết kế dữ liệu:

DAILY	
PK	<u>MaDaiLy</u>
	TenDaiLy LoaiDaiLy DienThoai DiaChi Quan NgayTiepNhan Email

■ Các thuộc tính trừu tượng:

MaDaiLy

■ Sơ đồ logic:

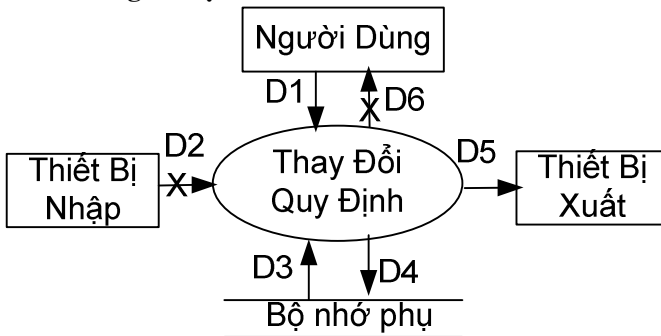


3.1.2 Thiết kế dữ liệu với tính tiến hóa

■ Qui định liên quan: QĐ1

QĐ1: Có 2 loại đại lý (1, 2). Có 20 quận. Trong mỗi quận có tối đa 4 đại lý.

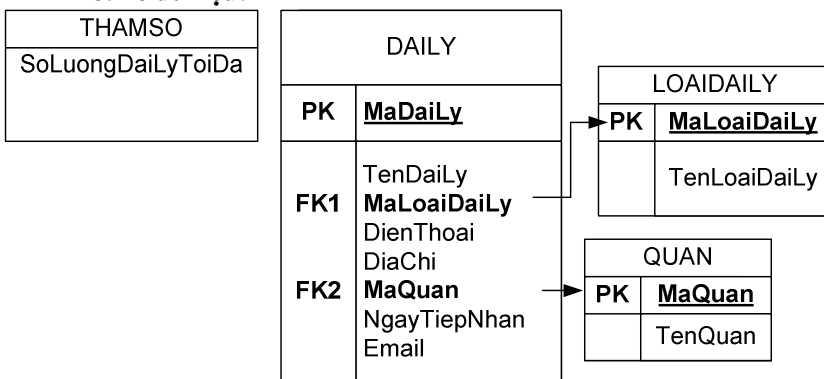
■ Sơ đồ luồng dữ liệu:



■ Các thuộc tính mới:

TenDaiLy, TenQuan, SoLuongDaiLyToiDa

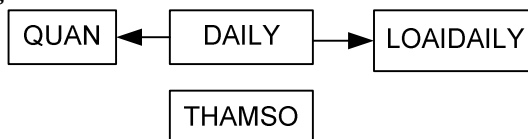
■ **Thiết kế dữ liệu:**



■ **Các thuộc tính trừu tượng:**

MaLoaiDaiLy, MaQuan

■ **Sơ đồ logic:**



3.2 BƯỚC 2: XÉT YÊU CẦU TIẾP LẬP PHIẾU XUẤT HÀNG

3.2.1 Thiết kế dữ liệu với tính đúng đắn

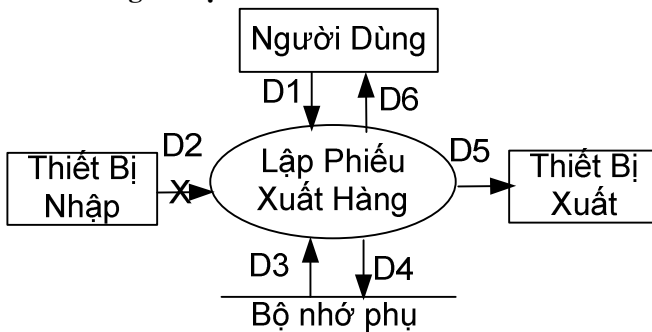
■ **Biểu mẫu liên quan: BM2**

BM2:	Phiếu Xuất Hàng				
Đại lý:			Ngày lập phiếu:		
STT	Mặt Hàng	Đơn vị tính	Số Lượng	Đơn Giá	Thành Tiền

Báo cáo cuối kỳ môn Công nghệ Phần mềm

1					
2					

■ Sơ đồ luồng dữ liệu:

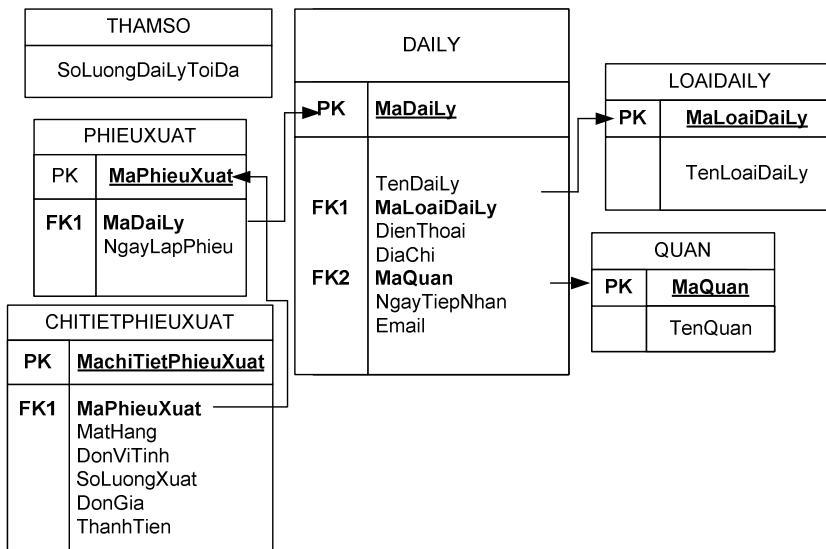


■ Các thuộc tính mới:

NgayLapPhieu, MaHang, DonViTinh,
 SoLuongXuat, DonGia, ThanhTien

■ Thiết kế dữ liệu:

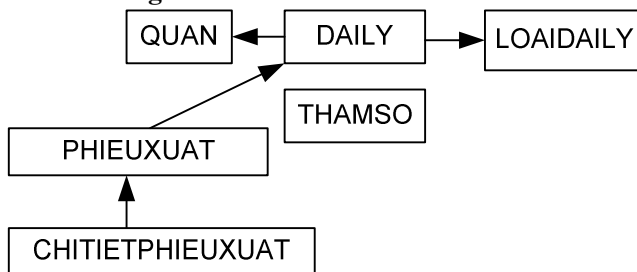
Báo cáo cuối kỳ môn Công nghệ Phần mềm



■ Các thuộc tính trừu tượng

MaPhieuXuat, MaChiTietPhieuXuat

■ Sơ đồ logic:

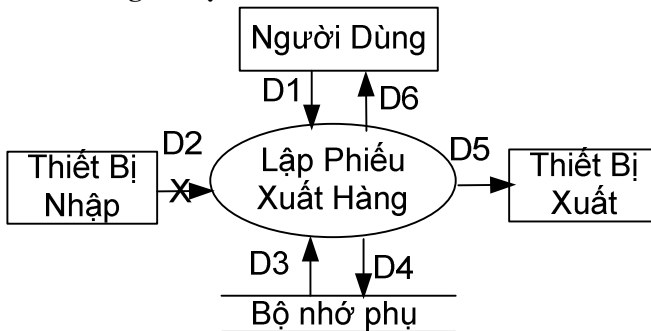


3.2.2 Thiết kế dữ liệu với tính tiến hóa

■ Qui định liên quan: QĐ2

QĐ2: Có 5 mặt hàng, 3 đơn vị tính. Đại lý loại 1 có tiền nợ tối đa 20.000, loại 2 tối đa 50.

■ Sơ đồ luồng dữ liệu:

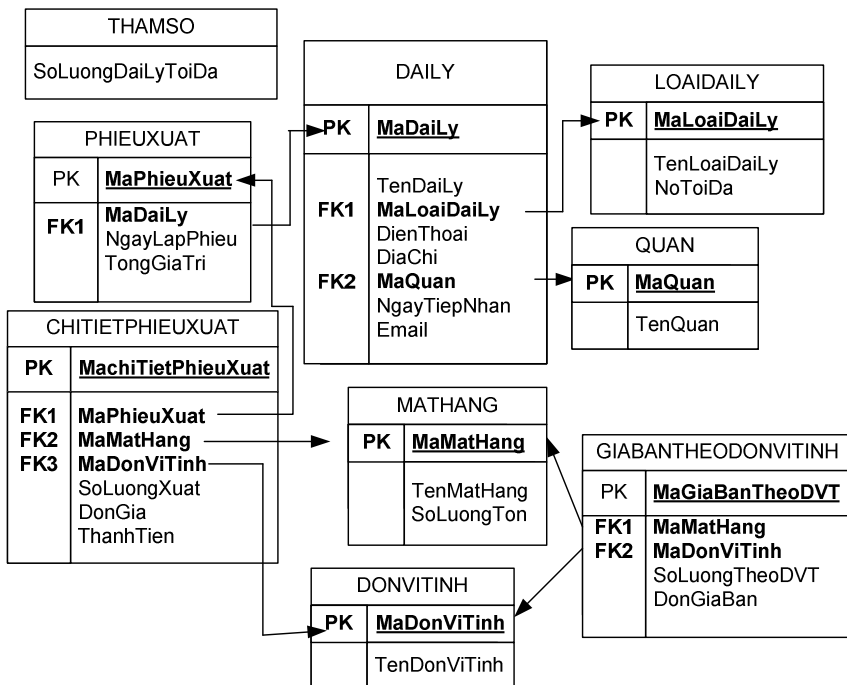


■ Các thuộc tính mới:

TenMatHang, TenDonViTinh, NoToiDa.

- Để dễ dàng quản lý hàng hóa ta thêm thuộc tính SoLuongTon vào bảng MATHANG, thêm thuộc tính TongGiaTri vào PHIEUXUAT để có thể dễ dàng cập nhật công nợ cho đại lý. Do giữa hai bảng DONVITINH và MATHANG có quan hệ nhiều nhiều ta cần phát sinh thêm bảng mới có tên GIABANTHEODONVITINH để có thể giải quyết yêu cầu của phần mềm
- Thiết kế dữ liệu:

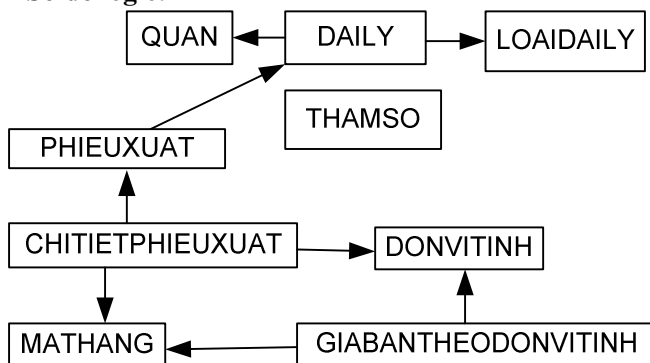
Báo cáo cuối kỳ môn Công nghệ Phần mềm



■ Các thuộc tính trừu tượng

MaMatHang, MaDonViTinh.

■ **Sơ đồ logic:**



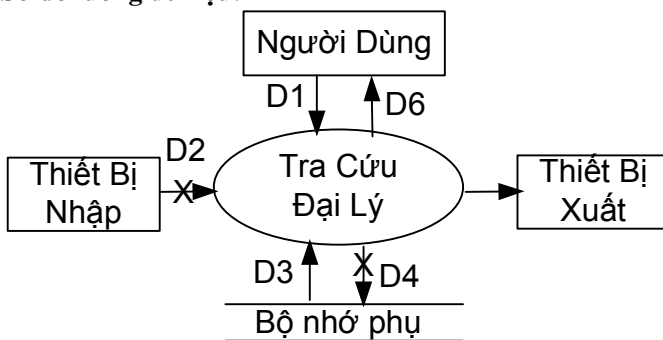
3.3 BƯỚC 3: XÉT YÊU CẦU TRA CỨU ĐẠI LÝ

3.3.1 Thiết kế dữ liệu với tính đúng đắn

3.3.1.1 Biểu mẫu liên quan: BM3

BM3:	Danh Sách Các Đại Lý			
STT	Đại Lý	Loại	Quận	Tiền Nợ
1				
2				

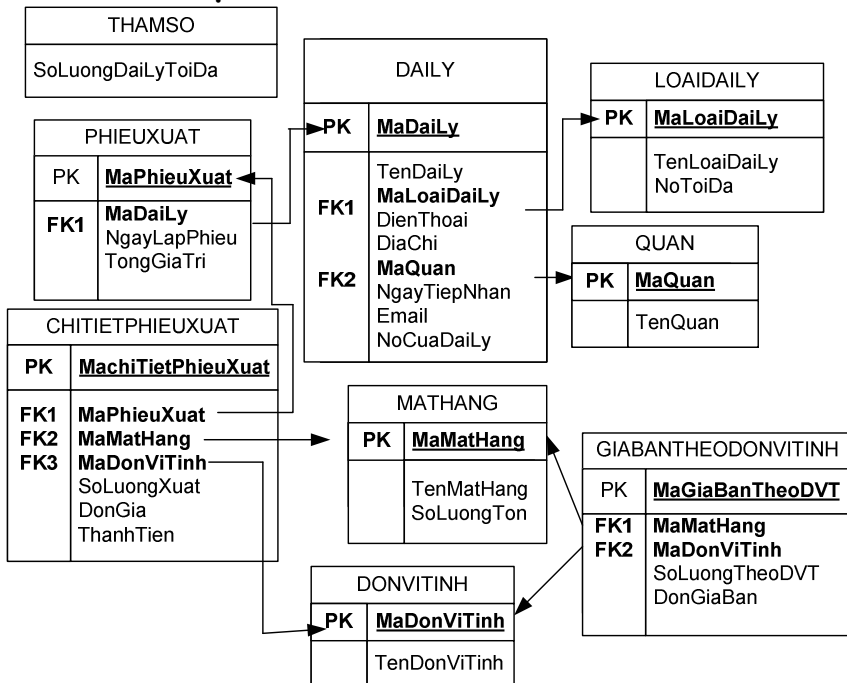
■ Sơ đồ luồng dữ liệu:



■ Các thuộc tính mới:

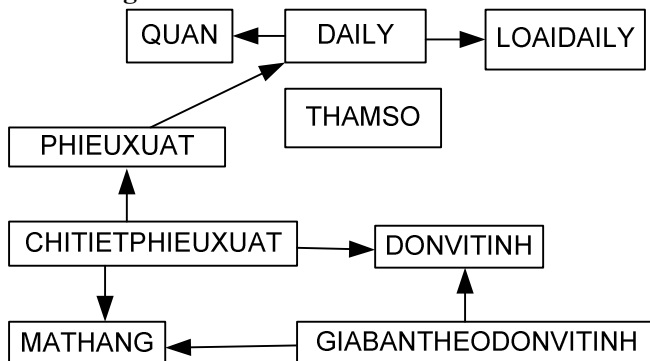
TienNo.

■ **Thiết kế dữ liệu:**



■ **Các thuộc tính trừu tượng**

■ Sơ đồ logic:



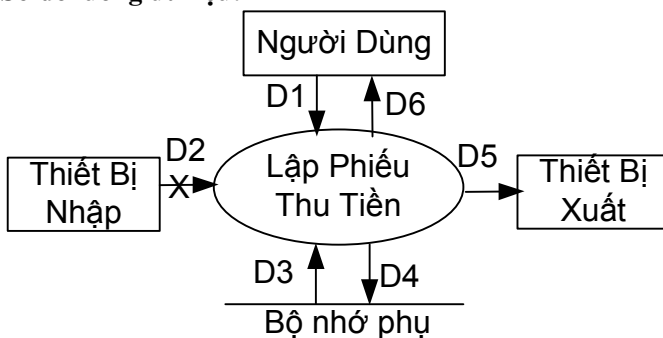
3.4 BƯỚC 4: XÉT YÊU CẦU LẬP HÓA PHIẾU THU TIỀN

3.4.1 Thiết kế dữ liệu với tính đúng đắn

3.4.1.1 Biểu mẫu liên quan: BM4

BM4:	Phiếu Thu Tiền	
Đại lý:	Địa chỉ:	
Điện thoại:	Email:	
Ngày thu tiền:	Số tiền thu:	

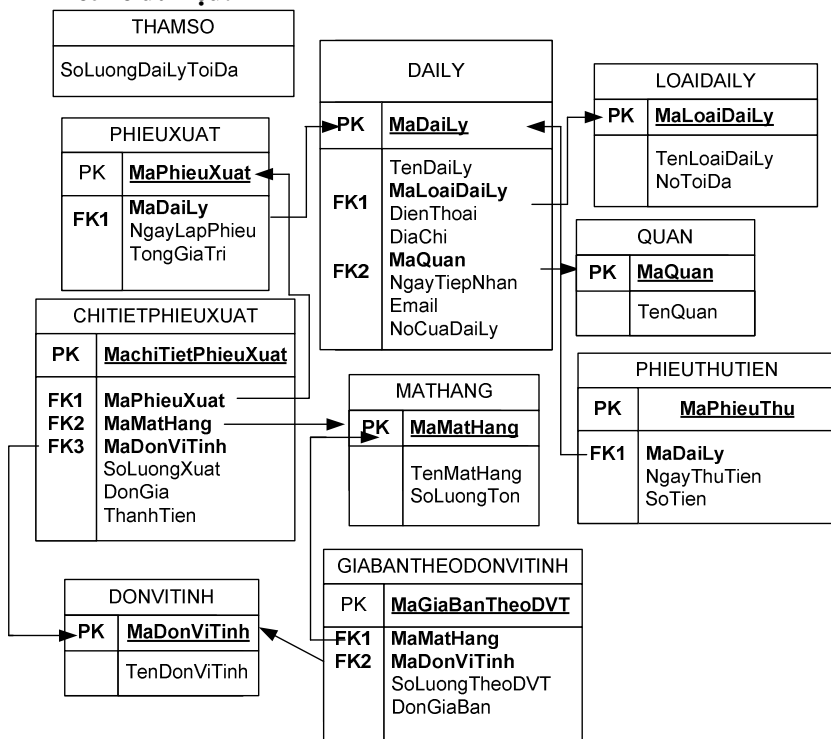
■ Sơ đồ luồng dữ liệu:



■ Các thuộc tính mới:

NgàyThuTien, SoTienThu.

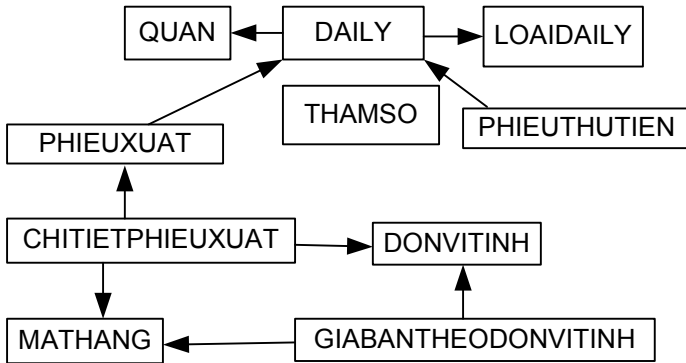
■ **Thiết kế dữ liệu:**



■ **Các thuộc tính trừu tượng:**

MaPhieuThu.

■ Sơ đồ logic:

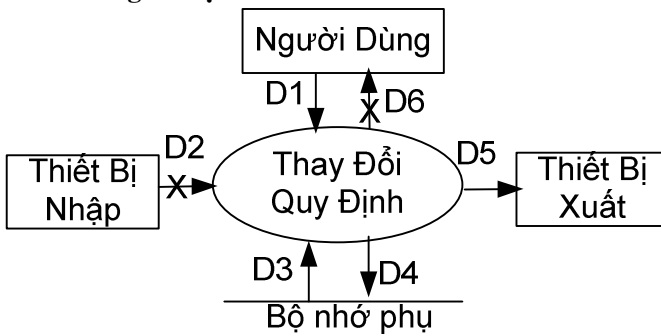


3.4.2 Thiết kế dữ liệu với tính tiền hóa

Qui định liên quan: QĐ4

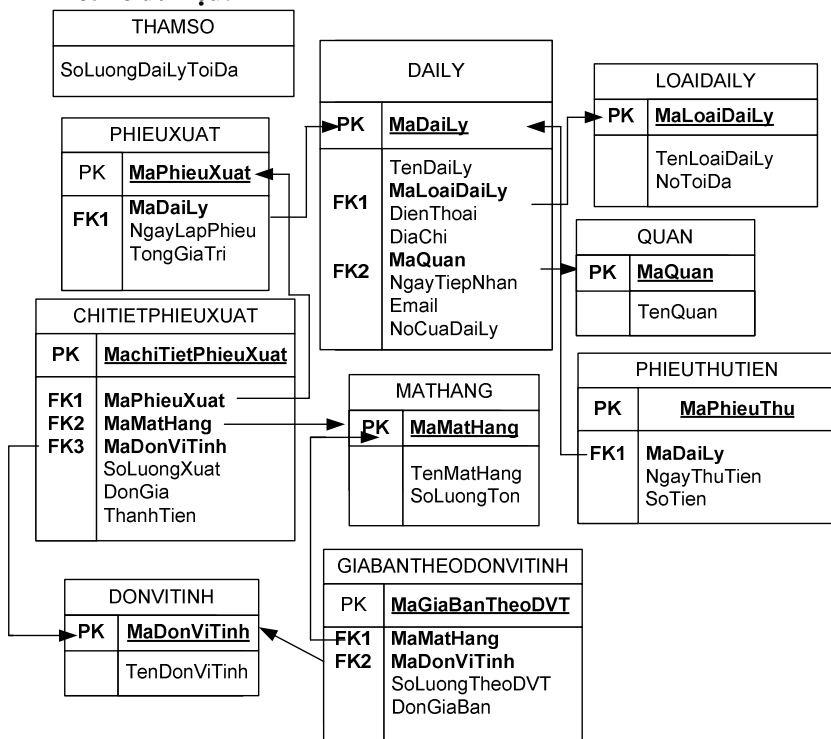
QĐ4: Số tiền thu không vượt quá số tiền đại lý đang nợ .

■ Sơ đồ luồng dữ liệu:

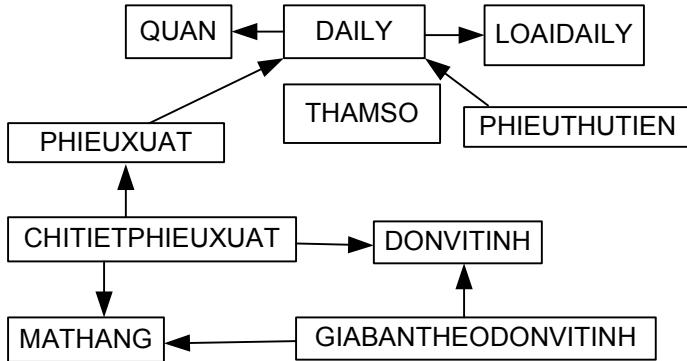


■ Các thuộc tính mới: không có

■ **Thiết kế dữ liệu:**



- **Các thuộc tính trừu tượng: không có**
- **Sơ đồ logic:**



3.5 BƯỚC 5: XÉT YÊU CẦU THAY ĐỔI QUY ĐỊNH

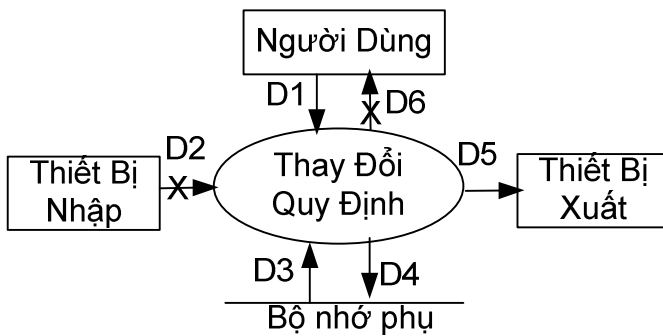
3.5.1 Thiết kế dữ liệu với tính đúng đắn

3.5.1.1 Quy định liên quan: QĐ6

QĐ6: Người dùng có thể thay đổi các qui định như sau :

- + QĐ1 : Thay đổi số lượng các loại đại lý, số các đại lý tối đa trong quận.
- + QĐ2 : Thay đổi số lượng mặt hàng cùng với đơn vị tính và đơn giá bán, tiền nợ tối đa của từng loại đại lý.

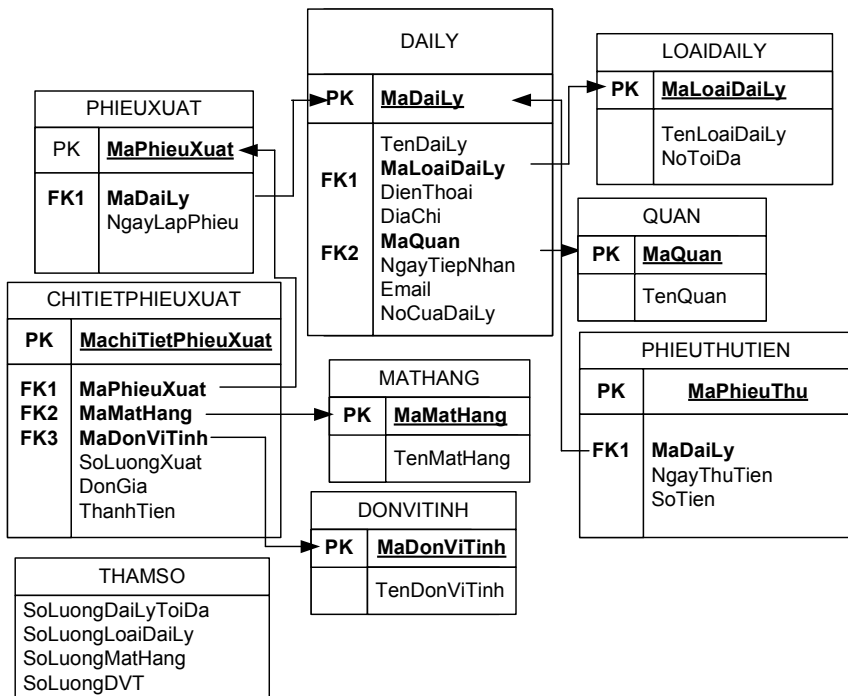
■ Sơ đồ luồng dữ liệu:



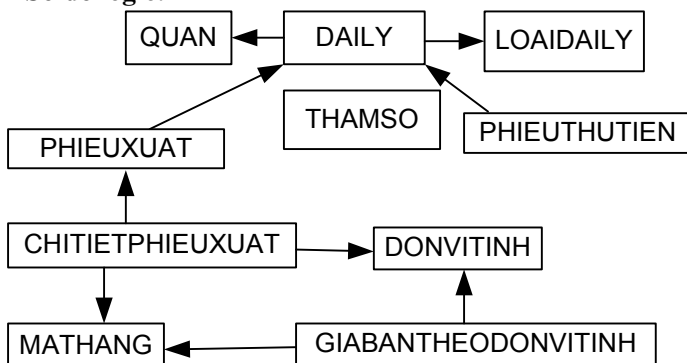
■ Các thuộc tính mới:

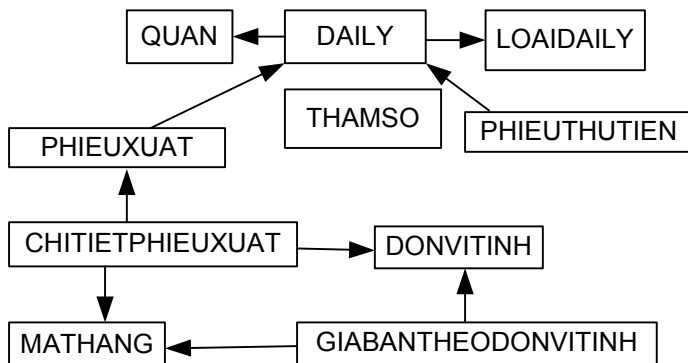
[SoLuongLoaiDaiLy](#), [SoLuongMatHang](#),
[SoLuongDVT](#).

■ Thiết kế dữ liệu:



- Các thuộc tính trừu tượng:
- Sơ đồ logic:





3.6 DIỄN GIẢI CƠ SỞ DỮ LIỆU

3.6.1 Bảng DAILY

STT	Thuộc tính	Kiểu dữ liệu	Diễn giải
1	MaDaiLy	Number	Khóa chính của bảng DAILY
2	TenDaiLy	Text	Tên của đại lý
3	MaLoaiDaiLy	Number	Khóa ngoại trỏ tới bảng LOAIDAILY lưu loại của đại lý
4	DienThoai	Text	Điện thoại của đại lý
5	DiaChi	Text	Địa chỉ của đại lý
6	MaQuan	Number	Khóa ngoại trỏ tới bảng QUAN, lưu quận mà đại lý đó trực thuộc
7	NgayTiepNhan	Date/Time	Ngày đại lý được tiếp nhận
8	Email	Text	Email của đại lý
9	NoCuaDaiLy	Number	Số tiền mà đại lý còn nợ

Báo cáo cuối kỳ môn Công nghệ Phần mềm

3.6.2 Bảng LOAIDAILY

STT	Thuộc tính	Kiểu dữ liệu	Diễn giải
1	MaLoaiDaiLy	Number	Khóa chính của bảng LOAIDAILY
2	TenLoaiDaiLy	Text	Tên của loại đại lý
3	NoToiDa	Number	Số tiền mà loại đại lý này có thể nợ tối đa

3.6.3 Bảng PHIEUTHUTIENT

STT	Thuộc tính	Kiểu dữ liệu	Diễn giải
1	MaPhieuThuTien	Number	Khóa chính của bảng PHIEUTHUTIENT
2	MaDaiLy	Number	Khóa ngoại trở tới bảng DAILY thể hiện đại lý nộp tiền
3	NgayThuTien	Date/Time	Ngày phiếu thu được lập
4	SoTien	Number	Số tiền thu

3.6.4 Bảng QUAN

STT	Thuộc tính	Kiểu dữ liệu	Diễn giải
1	MaQuan	Number	Khóa chính của bảng QUAN
2	TenQuan	Text	Tên của quận

3.6.5 Bảng PHIEUXUAT

STT	Thuộc tính	Kiểu dữ liệu	Diễn giải
1	MaPhieuXuat	Number	Khóa chính của bảng PHIEUXUAT
2	MaDaiLy	Number	Khóa ngoại trỏ tới bảng DAILY thể hiện đại lý được xuất hàng
3	NgayLapPhieu	Date/Time	Ngày phiếu này được lập ra
4	TongGiaTri	Number	Tổng giá trị hàng hóa có trong phiếu xuất đó

3.6.6 Bảng CHITIETPHIEUXUAT

STT	Thuộc tính	Kiểu dữ liệu	Diễn giải
1	MaChiTietPhieuXuat	Number	Khóa chính của bảng CHITIETPHIEUXUAT
2	MaPhieuXuat	Number	Khóa ngoại trỏ tới bảng PHIEUXUAT thể hiện phiếu xuất mà chi tiết phiếu xuất này thuộc về
3	MaMatHang	Number	Khóa ngoại trỏ tới bảng MATHANG thể hiện mặt hàng được xuất
4	MaDonViTinh	Number	Khóa ngoại trỏ tới bảng DONVITINH thể hiện đơn vị tính được xuất
5	DonGiaXuat	Number	Thể hiện đơn giá xuất của mặt hàng theo đơn vị tính
6	SoLuongXuat	Number	Thể hiện số lượng mặt hàng được xuất theo đơn vị tính

Báo cáo cuối kỳ môn Công nghệ Phần mềm

7	ThanhTien	Number	Tổng giá trị của 1 loại mặt hàng trong phiếu xuất
---	-----------	--------	---

3.6.7 Bảng MATHANG

STT	Thuộc tính	Kiểu dữ liệu	Diễn giải
1	MaMatHang	Number	Khóa chính của bảng MATHANG
2	TenMatHang	Text	Tên của mmatj hàng đó
3	SoLuongTon	Number	Số lượng còn lại của mặt hàng đó

3.6.8 Bảng DONVITINH

STT	Thuộc tính	Kiểu dữ liệu	Diễn giải
1	MaDonViTinh	Number	Khóa chính của bảng DONVITINH
2	TenDonViTinh	Text	Tên của đơn vị tính

3.6.9 Bảng GIABANTHEODONVITINH

ST T	Thuộc tính	Kiểu dữ liệu	Diễn giải
1	MaGiaBanTheoDVT	Number	Khóa chính của bảng GIABANTHEODONVITINH
2	MaDonViTinh	Number	Khóa ngoại trở tới bảng DONVITINH thể hiện đơn vị tính
3	MaMatHang	Number	Khóa ngoại trở tới bảng DONVITINH thể hiện mặt hàng
4	SoLuongTheoDVT	Number	Số lượng mặt hàng có trong 1 đơn vị tính

Báo cáo cuối kỳ môn Công nghệ Phần mềm

5	DonGiaBan	Number	Đơn giá bán dự kiến của mặt hàng ứng với đơn vị tính tương ứng.
---	-----------	--------	---

3.6.10 Bảng THAMSO

STT	Thuộc tính	Kiểu dữ liệu	Diễn giải
1	SoLuongDaiLyToiDaMoiQuan	Number	Số lượng đại lý tối đa mỗi quận theo quy định
2	SoLuongLoaiDaiLy	Number	Số lượng loại đại lý theo quy định
3	SoLuongMatHang	Number	Số lượng hàng hóa theo quy định
4	SoLuongDVT	Number	Số lượng đơn vị tính theo quy định

CHƯƠNG 4 THIẾT KẾ GIAO DIỆN

4.1 THIẾT KẾ MÀN HÌNH CHÍNH

4.1.1 *Thiết kế màn hình thực đơn với tính đúng đắn*

Yêu cầu công việc nghiệp vụ

1. Tiếp nhận đại lý
2. Lập phiếu xuất hàng
3. Tra cứu đại lý
4. Lập hóa phiếu thu tiền
5. Lập báo cáo tháng theo doanh thu
6. Lập báo cáo tháng theo công nợ
7. Thay đổi quy định

Yêu cầu chất lượng – tính tiến hóa

8. Cập nhật bảng tham số (thay đổi quy định)
9. Cập nhật loại đại lý (Số lượng loại đại lý) và tiền nợ tối đa của mỗi loại đại lý.
10. Cập nhật đại lý.
11. Cập nhật số lượng đại lý tối đa trong quận, đơn giá mặt hàng tương ứng với từng loại đơn vị tính.

Yêu cầu chất lượng – tính tương thích

12. Chuyển dữ liệu “Đại lý” sang tập tin Excel

Báo cáo cuối kỳ môn Công nghệ Phần mềm

13. Chuyển dữ liệu “Chi tiết phiếu xuất” sang tập tin Excel
14. Chuyển dữ liệu “phiếu thu tiền” sang tập tin Excel
15. Chuyển dữ liệu “Báo cáo” sang tập tin Excel
16. Import dữ liệu “Đại lý” từ tập tin Excel

Yêu cầu hệ thống - tính bảo mật

17. Cập nhật phân quyền
18. Đăng kí sử dụng

Yêu cầu hệ thống – tính an toàn

19. Sao lưu dữ liệu
20. Phục hồi dữ liệu
21. Quản lí dữ liệu được tạm xóa

Yêu cầu hệ thống – các công việc đặc trưng tin học (không làm trong thể giới thực)

22. Cấu hình thiết bị
23. Cấu hình phần mềm
24. Thoát

4.1.2 Thiết kế màn hình thực đơn với tính hiệu quả và tiện dụng

4.1.2.1 Phương án 1:

Nghịệp vụ	Hệ thống	Lưu trữ	Tra cứu	Báo biểu
------------------	-----------------	----------------	----------------	-----------------

Báo cáo cuối kỳ môn Công nghệ Phần mềm

1.Tiếp nhận đại lý.		X		
2.Lập phiếu xuất hàng.		X		
3.Tra cứu đại lý.			X	
4.Phiếu thu tiền.		X		
5.Báo cáo doanh số.				X
6.Báo cáo công nợ.				X
7.Thay đổi quy định.	X	X		
8.Cập nhật bản tham số.	X	X		
9.Cập nhật loại đại lý và nợ tối đa.		X		
10.Cập nhật đại lý và số lượng đại lý trong quận.		X		
11.Cập nhật giá bán của hàng hóa theo đơn vị tính tương ứng.		X		
12.Chuyển dữ liệu "Đại lý" sang tập tin Excel	X			

Báo cáo cuối kỳ môn Công nghệ Phần mềm

13.Chuyển dữ liệu”Chi tiết phiếu xuất” sang tập tin Excel	X			
14.Chuyển dữ liệu “phiếu thu tiền” sang tập tin Excel	X			
15.Chuyển dữ liệu “Báo cáo” sang tập tin Excel	X			
17. Import “Đại lý ” từ tập tin Excel	X			
18.Cập nhật phân quyền	X			
19.Đăng kí sử dụng	X			
20.Sao lưu dữ liệu	X			
21.Phục hồi dữ liệu	X			
22.Quản lí dữ liệu tạm xóa	X			
23.Cấu hình thiết bị	X			
24.Cấu hình phần mềm	X			
25.Thoát	X			

Báo cáo cuối kỳ môn Công nghệ Phần mềm

4.1.2.2 Phương án 2:

Tổ chức	Quản Lý Đại Lý	Quản Lý Xuất Hàng	Quản Lý Phiếu Thu
1.Chuyển dữ liệu sang tập tin Excel	1.Tiếp nhận đại lý.	1.Lập phiếu xuất hàng	1.Lập hóa đơn thu tiền
2.Import dữ liệu từ tập tin Excel	2.Tra cứu đại lý	2.lập báo cáo doanh số	2.Lập báo cáo công nợ
3.Cập nhật phân quyền	3.Cập nhật loại đại lý		
4.Đăng ký sử dụng	và nợ tối đa của mỗi		
5.Sao lưu phục hồi dữ liệu	loại đại lý		
6. Thay đổi quy định			

4.2 THIẾT KẾ MÀN HÌNH

4.2.1 Màn hình tiếp nhận đại lý

4.2.2 Màn hình nhận đại lý với tính đúng đắn



The screenshot shows a Windows-style application window with a blue title bar and standard minimize, maximize, and close buttons. The window's title is "TIẾP NHẬN ĐẠI LÝ". Inside the window, there is a form with the following fields:

- Tên đại lý (Agent Name): A text input field.
- Mã loại đại lý (Agent Type Code): A dropdown menu.
- Điện thoại (Phone): A text input field.
- Địa chỉ (Address): A text input field.
- Mã quận (District Code): A dropdown menu.
- Ngày tiếp nhận (Reception Date): A dropdown menu showing "Monday".
- Email: A text input field.

4.2.3 Màn hình nhận đại lý với tính tiện dụng và hiệu quả

TIẾP NHẬN	
Thông tin chi tiết	
Mã đại lý	<input type="text" value="1"/>
Tên đại lý	<input type="text" value="Đại lý 1 quận 1"/>
Mã loại đại lý	<input type="text" value="1"/> ▼
Điện thoại	<input type="text" value="1111111"/>
Địa chỉ	<input type="text" value="1 Đồng Khởi, P. Bến Thành, Q. 01, Tp. HCM"/>
Mã quận	<input type="text" value="1"/> ▼
Ngày tiếp nhận	<input type="text" value="15/06/2010"/> ▼
Email	<input type="text" value="daily1quan1@quanlydaily.com"/>
Nợ của đại lý	<input type="text" value="0"/>

4.2.4 Màn hình lập phiếu xuất hàng

4.2.5 Màn hình lập phiếu xuất hàng với tính đúng đắn

PHIẾU XUẤT HÀNG

Mã đại lý

Số lượng

Mã quận

Mã DVT

Mã mặt hàng

Ngày tiếp nhận 21/06/2010

4.2.6 Màn hình lập phiếu xuất hàng với tính tiện dụng và hiệu quả

PHIẾU XUẤT HÀNG

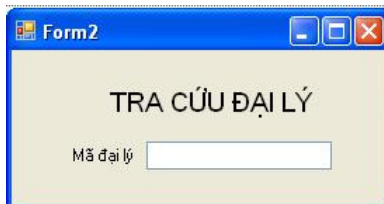
Lập phiếu xuất hàng

Đại lý Ngày lập phiếu 22/06/2010

STT	Mặt hàng	DVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền

4.2.7 Màn hình tra cứu đại lý

4.2.8 Màn hình tra cứu đại lý với tính đúng đắn



The screenshot shows a window titled 'Form2' with a blue border. Inside, the text 'TRA CỨU ĐẠI LÝ' is centered. Below it, there is a label 'Mã đại lý' followed by a single-line text input field.

4.2.9 Màn hình tra cứu đại lý với tính tiện dụng và hiệu quả



The screenshot shows a more complex search form titled 'TRA CỨU ĐẠI LÝ'. It has a light blue header and a light blue body. The form is divided into two columns of input fields. The left column contains: 'Mã Đại Lý', 'Tên Quận' (with a dropdown arrow), 'Điện Thoại', 'Ngày Tiếp Nhận', and 'Nợ của Đại Lý'. The right column contains: 'Tên Đại Lý', 'Tên Loại Đại Lý' (with a dropdown arrow), 'Địa chỉ', and 'Email'. A 'Tìm kiếm' button is located at the bottom right of the input fields. Below the input fields, there is a section titled 'Danh sách đại lý' which contains a table with the following columns: 'STT', 'Đại Lý', 'Loại', 'Quận', and 'Tiền nợ'. The table has several empty rows for data entry.

STT	Đại Lý	Loại	Quận	Tiền nợ

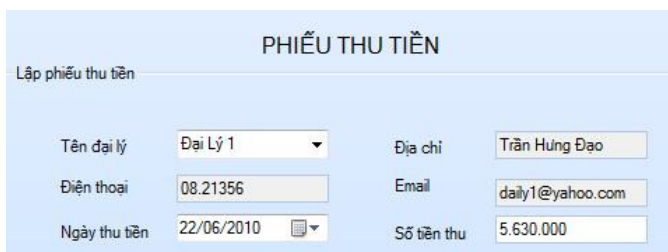
4.2.10 Màn hình lập phiếu thu tiền

4.2.11 Màn hình lập phiếu thu tiền với tính đúng đắn



The screenshot shows a Windows-style window titled 'Form2'. Inside, the title 'PHIẾU THU TIỀN' is centered at the top. Below it are three input fields: 'Mã đại lý' (Agent Code) with an empty text box, 'Ngày thu' (Date) with a date picker showing '21/06/2010', and 'Số tiền' (Amount) with an empty text box.

4.2.12 Màn hình lập phiếu thu tiền với tính tiện dụng và hiệu quả

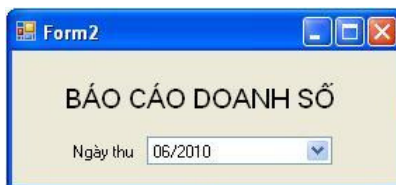


The screenshot shows a more detailed receipt form titled 'PHIẾU THU TIỀN'. Below the title is a subtitle 'Lập phiếu thu tiền'. The form is divided into two columns of fields. The left column contains: 'Tên đại lý' (Agent Name) with a dropdown menu showing 'Đại Lý 1', 'Điện thoại' (Phone) with a text box containing '08.21356', and 'Ngày thu tiền' (Date) with a date picker showing '22/06/2010'. The right column contains: 'Địa chỉ' (Address) with a text box containing 'Trần Hưng Đạo', 'Email' with a text box containing 'daily1@yahoo.com', and 'Số tiền thu' (Amount) with a text box containing '5.630.000'.

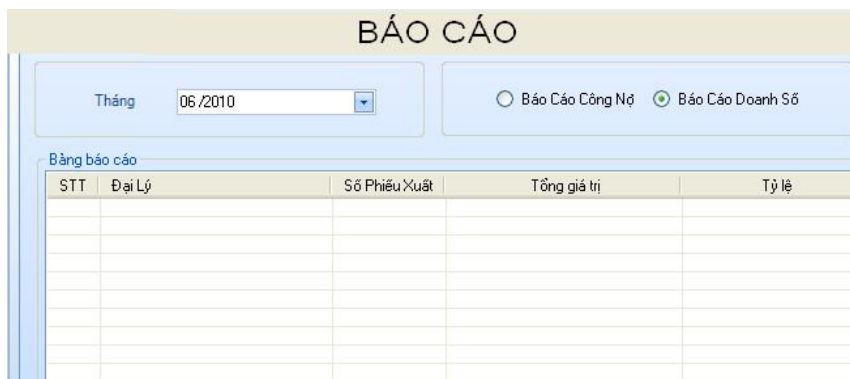
Báo cáo cuối kỳ môn Công nghệ Phần mềm

4.2.13 Màn hình báo cáo doanh số

4.2.14 Màn hình báo cáo doanh số với tính đúng đắn



4.2.15 Màn hình lập báo cáo doanh số với tính tiện dụng và hiệu quả



STT	Đại Lý	Số Phiếu Xuất	Tổng giá trị	Tỷ lệ

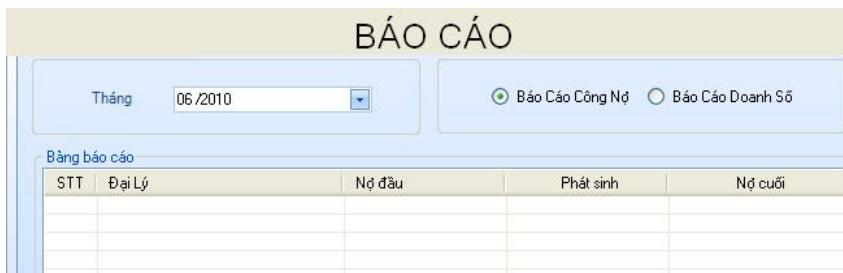
Báo cáo cuối kỳ môn Công nghệ Phần mềm

4.2.16 Màn hình báo cáo công nợ

4.2.17 Màn hình báo cáo công nợ với tính đúng đắn



4.2.18 Màn hình lập báo cáo công nợ với tính tiện dụng và hiệu quả



STT	Đại Lý	Nợ đầu	Phát sinh	Nợ cuối

Báo cáo cuối kỳ môn Công nghệ Phần mềm

4.2.19 Màn hình thay đổi quy định

4.2.20 Màn hình thay đổi quy định với tính đúng đắn

THAY ĐỔI QUY ĐỊNH

Số lượng loại đại lý	<input type="text"/>	Số lượng loại mặt hàng	<input type="text"/>
Số lượng đại lý tối đa	<input type="text"/>	Số lượng ĐVT	<input type="text"/>
Loại đại lý	<input type="text"/>	Tiền nợ tối đa	<input type="text"/>
Mặt hàng	<input type="text"/>	Giá tiền	<input type="text"/>
Đơn vị tính	<input type="text"/>		

4.2.21 Màn hình lập báo cáo doanh số với tính tiện dụng và hiệu quả

Form2

THAY ĐỔI QUY ĐỊNH

☐ Số Lượng ☐ Nợ tối đa ☐ Giá bán

Số lượng loại đại lý	<input type="text"/>				
Số đại lý tối đa	<input type="text"/>	Loại đại lý	<input type="text"/>	Nợ tối đa	<input type="text"/>
Số lượng mặt hàng	<input type="text"/>				
Số lượng đơn vị tính	<input type="text"/>	Mặt hàng	<input type="text"/>		
Ngày thu	<input type="text"/>	Đơn vị tính	<input type="text"/>	Giá bán	<input type="text"/>

CHƯƠNG 5 THIẾT KẾ XỬ LÝ

5.1 THIẾT KẾ MÀN HÌNH CHÍNH



5.2 THIẾT KẾ MÀN HÌNH

5.2.1 Màn hình tiếp nhận đại lý

TIẾP NHẬN ĐẠI LÝ

Thông tin chi tiết

Mã đại lý:

Tên đại lý:

Mã loại đại lý:

Điện thoại:

Địa chỉ:

Mã quận:

Ngày tiếp nhận:

Email:

Nợ của đại lý:

Tên đại lý	Loại đại lý	Điện thoại	E
Đại lý 1 quận 1	1	11111111	1
đại lý 2	1	2222222...	2

Thêm Xóa Sửa Lưu Không Thoát

■ Sơ đồ luồng dữ liệu: Đã có (Hình. 01)

Thiết kế xử lý

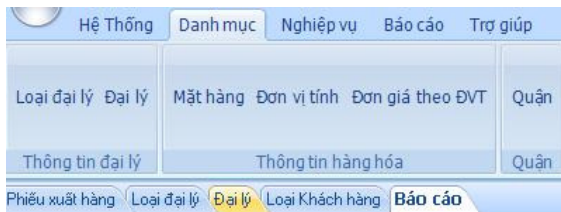
❖ Danh sách các xử lý trên màn hình tiếp nhận hồ sơ đại lý :

Báo cáo cuối kỳ môn Công nghệ Phần mềm

Để đến được màn hình tiếp nhận đại lý người dùng thực hiện các bước sau: Chọn Đại lý ở Menu(Danh mục → Đại lý).



Hoặc chọn trực tiếp tab Đại Lý bên dưới



S T T	TÊN XỬ LÝ	ĐIỀU KIỆN GỌI THỰC HIỆN	Ý NGHĨA	GHI CHÚ

1	Load tab Đại Lý	Sau khi chọn trên menu hoặc chọn trực tiếp tab Đại lý	Danh sách các đại lý đã có được load lên datagridview, thông tin của đại lý đầu tiên được thể hiện lên các control tương ứng.	
2	Click button Thêm	Sau khi vào được màn hình tiếp nhận đại lý người dùng click vào button Thêm	Các control được reset (combobox được load 1 giá trị mặc định, textbox trống, ngày mặc định ngày hiện hành, chỉ button Lưu và Không hiện, các button còn lại ẩn đi).	Bước 1 xử lý chính của tab

3	Click button Xóa	Khi người dùng click vào button Xóa	Đại lý mà thông tin đang thể hiện trên các control được xóa đi nếu người dùng chấp nhận xóa.	
4	Click button Sửa	Khi người dùng click vào button Sửa	Thông tin cũ của đại lý cần sửa được thể trên các control, người dùng thay đổi theo thông tin cần cập nhật.	
5	Click button Luu	Khi người dùng click vào button	Nếu trước thao tác này người dùng đã Click vào button Thêm và điền đầy đủ thông tin của đại lý cần tiếp nhận thì thông tin đại lý đó được	Chỉ thực được sau khi đã

		Lưu	<p>đưa xuống CSDL.</p> <p>Nếu trước thao tác này người dùng đã Click vào button Sửa, thay đổi thông tin của đại lý cần cập nhật thì thông tin đại lý đó được thay đổi trong CSDL. Danh sách các đại lý được load lại</p>	<p>click</p> <p>Thêm hoặc Sửa</p> <p>Đây là bước 2 của xử lý chính</p>
6	Click button Không	<p>Khi người dùng click vào button</p> <p>Không</p>	<p>Tab Đại lý được load lại</p> <p>mọi thao tác còn dang dở trước đó bị hủy bỏ</p>	

7	Click button Thoát	Khi người dùng click button Thoát	Thoát khỏi chương trình	
---	--------------------------	--	-------------------------	--

-Ý nghĩa xử lý chính: Tiếp nhận thông tin đại lý mới nếu đủ điều kiện thì thêm vào CSDL.

5.2.2 Màn hình lập phiếu xuất hàng

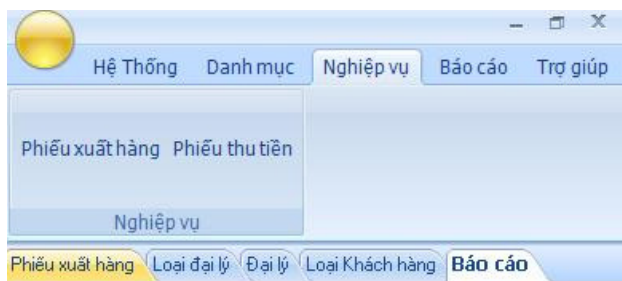
- Sơ đồ luồng dữ liệu: Đã có (Hình. 02)

❖ **Lập danh sách các xử lý trên màn hình lập phiếu xuất hàng :**

Để đến được màn hình lập phiếu xuất hàng người dùng thực hiện các bước sau: Chọn Phiếu xuất hàng ở Menu(Nghệp vụ → Phiếu xuất hàng).



Hoặc chọn trực tiếp tab Phiếu xuất hàng bên dưới



S T T	TÊN XỬ LÝ	ĐIỀU KIỆN GỌI THỰC HIỆN	Ý NGHĨA	GHI CHÚ
1	Load tab Phiếu xuất hàng	Sau khi chọn trên menu hoặc chọn trực tiếp tab Phiếu xuất hàng	Danh sách các phiếu xuất đã có được load lên datagridview, thông tin của phiếu xuất đầu tiên được thể hiện lên các control tương ứng.	
2	Click button Thêm	Sau khi vào được màn hình Lập phiếu	Các control được reset (combobox được load 1 giá trị mặc định là tên của 1 đại lý nào đó ta có thể chọn và thay đổi đại	

		xuất hàng người dùng click vào button Thêm	lý theo nhu cầu, ngày lập thẻ mặc định ngày hiện hành). Mặt hàng và ĐVT cũng được load sẵn nếu không đúng với yêu cầu người dùng có thể thay đổi	
3	Click button Đồng ý	Khi người dùng click vào button Đồng ý	Thông tin về phiếu xuất hàng sẽ được cập nhật xống dữ liệu đồng thời phiếu xuống đó được in ra với nội dung tương ứng.	

Báo cáo cuối kỳ môn Công nghệ Phần mềm

4	Click button Thoát	Khi người dùng click button Thoát	Thoát khỏi chương trình	
---	--------------------------	--	-------------------------	--

5.2.3 Màn hình tìm kiếm đại lý

Đại lý | Phiếu xuất hàng | Phiếu Thu Tiền | **Tra cứu đại lý** | Lập Báo cáo | Loại Đại Lý | Loại Đơn Vị | Loại Mặt Hàng | Loại Q

Thông tin tra cứu

Mã Đại Lý: Tên Đại Lý:

Tên Quận: Tên Loại Đại Lý:

Điện Thoại: Địa chỉ:

Ngày Tiếp Nhận: Email:

Nợ của Đại Lý:

Danh sách đại lý

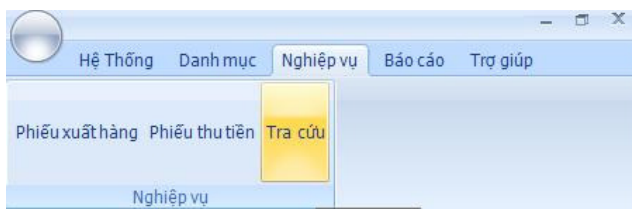
STT	Đại Lý	Loại	Quận	Tiền nợ

■ Sơ đồ luồng dữ liệu: Đã có (Hình. 03)

Thiết kế xử lý

❖ **Lập danh sách các xử lý trên màn hình tra cứu đại lý**

Để đến được màn hình tra cứu đại lý người dùng thực hiện các bước sau: Chọn Tra cứu ở Menu(Nghệp vụ → Tra cứu).



Hoặc chọn trực tiếp tab Tra cứu đại lý bên dưới



S	TÊN	ĐIỀU KIỆN	Ý NGHĨA	GHI
---	-----	-----------	---------	-----

T T	XỬ LÝ	GỌI THỰC HIỆN		CHÚ
1	Load tab Tra cứu đại lý	Sau khi chọn trên menu hoặc chọn trực tiếp tab Tra cứu đại lý	Các control sẵn sàn cho việc tìm kiếm của người dùng	
2	Click button Tìm kiếm	Sau khi điền thông tin về đại lý cần tra cứu người dùng click vào button tìm kiếm	Những đại lý thỏa các tiêu chí tìm kiếm đã được điền ở trên sẽ được hiện ra.	
3	Click button Thoát	Khi người dùng click button Thoát	Thoát khỏi chương trình	

5.2.4 Màn hình lập phiếu thu tiền

PHIẾU THU TIỀN

Tên đại lý Địa chỉ

Điện thoại Email

Ngày thu tiền 22/06/2010 Số tiền thu

Thêm Chấp nhận

Danh sách các phiếu thu

Thoát

■ Sơ đồ luồng dữ liệu: Đã có (Hình. 04)

Thiết kế xử lý

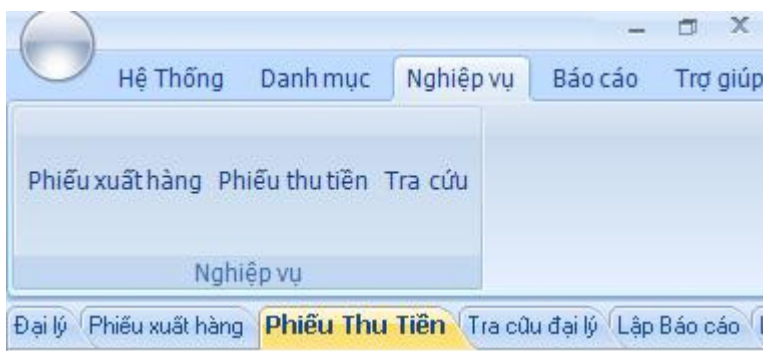
❖ Lập danh sách các xử lý trên màn hình lập phiếu thu tiền

Để đến được màn hình lập phiếu thu tiền người dùng thực hiện các bước sau: Chọn Phiếu thu tiền ở Menu(Nghệp vụ → Phiếu thu tiền).

Báo cáo cuối kỳ môn Công nghệ Phần mềm



Hoặc chọn trực tiếp tab phiếu thu tiền bên dưới



S T T	TÊN XỬ LÝ	ĐIỀU KIỆN GỌI THỰC HIỆN	Ý NGHĨA	GHI CHÚ

1	Load tab Phiếu thu tiền	Sau khi chọn trên menu hoặc chọn trực tiếp tab Phiếu thu tiền	Danh sách các phiếu thu đã có được load lên datagridview, thông tin của phiếu thu đầu tiên được thể hiện lên các control tương ứng.	
2	Click button Thêm	Sau khi vào được màn hình Lập phiếu xuất hàng người dùng click vào button Thêm	Các control được reset (combobox được load 1 giá trị mặc định là tên của 1 đại lý nào đó ta có thể chọn và thay đổi đại lý theo nhu cầu, sau khi chọn đại lý thì thông tin về địa chỉ điện thoại , email	

			của đại lý đó cũng được load theo, ngày lập phiếu được mặc định ngày hiện hành).	
3	Click button Chấp nhận	Sau khi điền thông tin về đại lý cần tra cứu người dùng click vào button Chấp nhận	Phiếu thu được in ra có nội dung tương tự với thông tin người dùng vừa điền vào các control, đồng thời nội phiếu thu cũng được cập nhật xuống CSDL	
4	Click button Thoát	Khi người dùng click button Thoát	Thoát khỏi chương trình	

5.2.5 Màn hình báo cáo doanh số

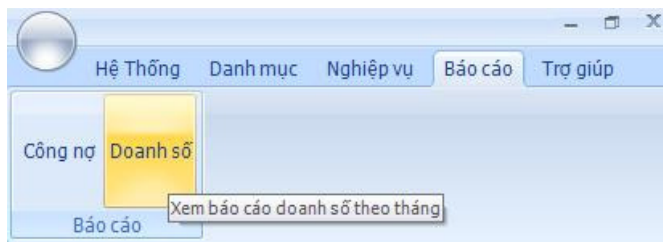
STT	Đại Lý	Số phiếu xuất	Tổng giá trị	Tỷ lệ

■ Sơ đồ luồng dữ liệu: Đã có (Hình. 05)

Thiết kế xử lý

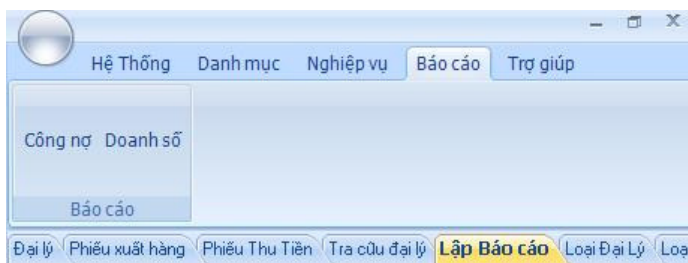
❖ Lập danh sách các xử lý trên màn hình Báo cáo doanh số

Để đến được màn hình lập phiếu thu tiền người dùng thực hiện các bước sau: Chọn Lập báo cáo ở Menu(Báo cáo → Doanh số).



Báo cáo cuối kỳ môn Công nghệ Phần mềm

Hoặc chọn trực tiếp tab Lập báo cáo bên dưới



S T T	TÊN XỬ LÝ	ĐIỀU KIỆN GỌI THỰC HIỆN	Ý NGHĨA	GHI CHÚ
1	Load tab Lập báo cáo	Sau khi chọn trên menu hoặc chọn trực tiếp tab lập báo cáo	Màn hình lập báo cáo hiện ra. .	

Báo cáo cuối kỳ môn Công nghệ Phần mềm

2	Click button Chấp nhận	Sau khi tháng cần báo cáo và loại báo cáo doanh số người dùng click vào button Chấp nhận	Thông tin về doanh số của các đại lý sẽ hiện ra.	
3	Click button Thoát	Khi người dùng click button Thoát	Thoát khỏi chương trình	

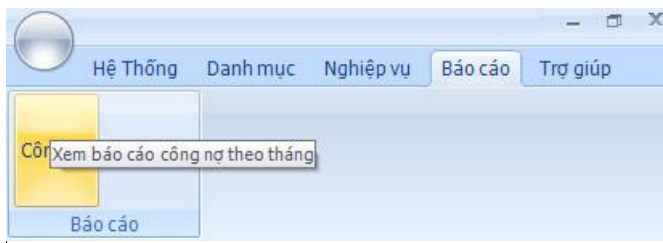
5.2.6 Màn hình báo cáo công nợ

■ Sơ đồ luồng dữ liệu: Đã có (Hình. 06)

Thiết kế xử lý

❖ **Lập danh sách các xử lý trên màn hình lập phiếu thu tiền**

Để đến được màn hình lập phiếu thu tiền người dùng thực hiện các bước sau: Chọn Phiếu thu tiền ở Menu(Nghiệp vụ → Phiếu thu tiền).



Hoặc chọn trực tiếp tab Lập báo cáo bên dưới



S	TÊN	ĐIỀU	Ý NGHĨA	GHI
---	-----	------	---------	-----

T T	XỬ LÝ	KIỆN GỌI THỰC HIỆN		CHÚ
1	Load tab Lập báo cáo	Sau khi chọn trên menu hoặc chọn trực tiếp tab lập báo cáo	Màn hình lập báo cáo hiện ra. .	
2	Click button Chấp nhận	Sau khi thắng cần báo cáo và loại báo cáo công nợ người dùng click vào button Chấp nhận	Thông tin về công nợ của các đại lý sẽ hiện ra.	

3	Click button Thoát	Khi người dùng click button Thoát	Thoát khỏi chương trình	
---	--------------------------	--	----------------------------	--

5.2.7 Màn hình thay đổi quy định

■ Sơ đồ luồng dữ liệu: Đã có (Hình. 07)

Thiết kế xử lý

❖ Lập danh sách các xử lý trên màn hình thay đổi quy định

Để đến được màn hình Thay đổi quy định người dùng thực hiện các bước sau: Chọn Thay đổi quy định ở Menu(Hệ thống → Thay đổi quy định).



Hoặc chọn trực tiếp tab Thay đổi quy định bên dưới



S T T	TÊN XỬ LÝ	ĐIỀU KIỆN GỌI THỰC HIỆN	Ý NGHĨA	GHI CHÚ
1	Load tab Thay đổi thông tin	Sau khi chọn trên menu hoặc chọn trực tiếp tab Thay đổi quy định	Thông tin các quy định cũ dduocj load lên các control tương ứng.	
2	Chọn radiob utton	Người dùng chọn vào radiobutton tương ứng với phần quy định muốn thay	Các control không liên quan đến những quy định cần thay sẽ bị ẩn đi, chỉ những contronl liên quan đến thay đổi quy định	

		đổi	vẫn được hiện	
3	Click button Thay đổi	Sau khi thay đổi những quy định người dùng click vào button thay đổi	Những quy định mới sẽ đduocj cập nhật xuống CSDL	
4	Click button Thoát	Khi người dùng click button Thoát	Thoát khỏi chương trình	